

Bản án số: 21/2025/HS-PT

Ngày: 18 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương, ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2025/TLPT-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo Mai Văn S, Trịnh Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2024/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025,

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Mai Văn S, tên gọi khác: không, sinh ngày 03 tháng 9 năm 1957 tại Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Hà D, xã Bảo N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lễ tân khách sạn; trình độ học vấn: Lớp 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn K và bà Trần Thị S, cả hai ông, bà đều đã chết; vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1957; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án: 01 tiền án (Ngày 28/9/2020 bị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng về tội “Chứa mại dâm”); tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/7/2013 bị Công an tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 10.000.000 đồng về hành vi Mối giới mại dâm, đã thi hành.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/5/2024 đến nay, tại nhà tạm giữ Công an thành phố Đồng Hới, sau đó được chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất.

2. Trịnh Văn T, tên gọi khác: không, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1969 tại Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT: phường Đồng H, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn Mỹ C, xã Bảo N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, hiện đã nghỉ việc; nguyên là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 28/6/2024 bị Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng; trình độ học vấn: Lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn L và bà: Nguyễn Thị L; vợ: Mai Thị Lệ H, con có 02 người, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/6/2024 đến ngày 13/8/2024, sau đó thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 14/8/2024, từ ngày 16/10/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Mai Văn S*: Ông Hà Nhật L – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Số 117 đường Lý Thường K, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Quốc T, anh Trần Trung H, chị Lê Thị N, chị Nguyễn Thị Thùy L, bà Mai Thị Lệ H tuy nhiên không có kháng cáo, án sơ thẩm không bị kháng nghị nên không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khách sạn Hải Á 2 có địa chỉ tại thôn Mỹ C, xã Bảo N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình do bà Mai Thị Lệ H là chủ sở hữu. Để thực hiện hoạt động kinh doanh, bà H giao quyền quản lý và điều hành khách sạn Hải Á 2 cho chồng mình là Trịnh Văn T. Quá trình kinh doanh, T thuê Mai Văn S là đối tượng đang có 01 tiền án về tội chứa mại dâm làm bảo vệ và lễ tân. T và S đã thống nhất với nhau thực hiện hoạt động chứa mại dâm tại khách sạn Hải Á 2 để thu lợi. T là người cho phép các gái bán dâm đến ngồi chờ tại khách sạn để thực hiện hoạt động bán dâm khi khách có nhu cầu. Mai Văn S là người trực tiếp đứng ra đón khách, gọi gái bán dâm, chỉ định số phòng, thu tiền từ khách và đưa lại cho T. Mỗi lượt bán dâm, khách phải trả 500.000 đồng. Trong đó, gái bán dâm được hưởng 200.000 đồng, Khách sạn thu 300.000 đồng. Sau khi bán dâm, gái bán dâm gặp T hoặc S để nhận lại tiền. Số tiền thu được từ việc chứa mại dâm, T là người hưởng. Sai nhận tiền lương hàng tháng từ T và tiền thưởng thêm từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng

mỗi tháng tùy vào doanh thu việc lưu trú cũng như chứa mại dâm tại khách sạn.

Hành vi phạm tội cụ thể: Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 25/5/2024, Mai Văn S đang ngồi ở bàn lễ tân khách sạn thì anh Trương Quốc T đến gặp và hỏi “Có gái không?”, Sai hiểu nam thanh niên này muốn mua dâm nên trả lời là “có gái” và báo giá 500.000 đồng. T đồng ý đưa cho S 500.000 đồng. S đưa chìa khoá phòng 203 cho T và nói lên phòng đợi. Sai nói với gái bán dâm Nguyễn Thị Thùy L “có khách lên phòng 203”, L biết rõ có khách đến mua dâm nên đi lên phòng 203. Lúc này T đang nằm trên ghế sofa phía sau, S nói “Mới lên một phòng nè” và đưa 500.000 đồng cho T.

Khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, Trần Trung H vào gặp S đang ngồi ở lễ tân và nói: “Có gái không?”, S hiểu nam thanh niên này muốn mua dâm nên trả lời là “có gái” và báo giá 500.000 đồng. H đồng ý và đưa cho S 500.000 đồng, S đưa chìa khoá phòng 305 cho H và nói lên phòng đợi rồi đi ra quầy lễ tân gọi nhân viên Lê Thị N lên phòng 305 để bán dâm cho khách. Sau đó, S đưa số tiền 500.000 đồng cho T và nói “Có thêm một phòng nữa nè”.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 25/5/2024, lực lượng công an bắt quả tang hai cặp nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 203 và 305 khách sạn Hải Âu 2.

Tại cơ quan điều tra: Mai Văn S, Trịnh Văn T, Lê Thị N, Nguyễn Thị Thùy L, Trương Quốc T, Trần Trung H và Mai Thị Lệ H khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên.

Ngoài ra cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng trong vụ án và xử phạt hành chính đối với hành vi mua bán dâm của Lê Thị N, Nguyễn Thị Thùy L, Trương Quốc T và Trần Trung H. Các đối tượng đã thi hành.

Đối với Mai Thị Lệ H là người giao cho Trịnh Văn T quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh lưu trú của khách sạn, quá trình điều tra không chứng minh được hành vi phạm tội của H, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Người đứng đầu cơ sở kinh doanh để xảy ra hoạt động mua dâm, bán dâm ở cơ sở do mình quản lý 35.000.000 đồng. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (trong lĩnh vực massage) trong thời hạn 9 tháng.

Với các hành vi trên, Cáo trạng số 83/CT-VKSĐH-TA ngày 14/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo: Mai Văn S về tội “Chứa mại dâm” quy định tại điểm c, h khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự, Trịnh Văn T về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2024/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Mai Văn S, Trịnh Văn T phạm tội “Chứa mại dâm”.

- Áp dụng các điểm c, h khoản 2 Điều 327; các điểm s, t, x, p khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 56, khoản 5 Điều 65, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Mai Văn S 32 (Ba mươi hai) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 28-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Buộc bị cáo Mai Văn S phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 62 (sáu mươi hai) tháng tù, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam trong vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2020/TLST-HS ngày 09/9/2020 là 26 (hai mươi sáu) ngày (từ ngày 07/5/2020 đến ngày 01/6/2020). Thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành án là 61 tháng 04 ngày tù (Sáu mươi một tháng, bốn ngày tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 26/5/2024);

Tiếp tục tạm giam bị cáo Mai Văn S 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 20 (Hai mươi) tháng tù, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/6/2024 đến ngày 13/8/2024 là 62 ngày; thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành án là 17 tháng 28 ngày tù (mười bảy tháng, hai mươi tám ngày tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Án sơ thẩm còn tuyên áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Văn T; xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 30/12/2024, bị cáo Trịnh Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; ngày 03/01/2025 bị cáo Mai Văn S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Mai Văn S, Trịnh Văn T khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như án sơ thẩm đã xét xử, giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo Mai Văn S xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Trịnh Văn T xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử đối với bị cáo Mai Văn S căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng các điểm c, h khoản 2 Điều 327; các điểm s, t, x, p khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 56, khoản 5 Điều 65, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn S và giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2024/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Đề nghị Hội đồng xét xử đối với bị cáo Trịnh Văn T căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn T và sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T từ 2 tháng tù đến 3 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Văn S đồng ý về tội danh truy tố đối với bị cáo S. Tuy nhiên về phần hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo S bởi lẽ bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, người khuyết tật nặng, tuổi cao sức yếu, đã được tặng Kỷ niệm chương chiến trường Campuchia, là người có công với cách mạng.

Đối với ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt của người bào chữa cho bị cáo S thì Kiểm sát viên giữ nguyên ý kiến đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn S và giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận: Ngày 25/5/2024, tại khách sạn Hải Âu 2 thuộc thôn Mỹ C, xã Bảo N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình do bà Mai Thị Lệ H làm chủ, Công an thành phố Đồng Hời bắt quả tang Mai Văn S và Trịnh Văn T đang có hành vi chứa mại dâm 02 đôi nam nữ tại phòng 203 và 305. Mai Văn S là đối tượng đang có 01 tiền án về tội chứa mại dâm. Vì vậy, Mai Văn S phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại các điểm c, h khoản 2, Điều 327 Bộ luật Hình sự và Trịnh Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội;

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Mai Văn S, Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, lối sống lành mạnh của đời sống xã hội, bị cáo S biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội nhưng vì muốn hưởng lợi bất chính nên vẫn bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện; bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi Môi giới mại dâm, bị xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Chứa mại dâm” nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo Mai Văn S phạm tội trong thời gian thử thách án treo của Bản án đã xét xử bị cáo về cùng tội danh “Chứa mại dâm”, điều này cho thấy bị cáo đã thiếu sự cải tạo, rèn luyện, tiến bộ trong thời gian thử thách mà tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này bị cáo cùng lúc phải chịu hai tình tiết định khung tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm nguy hiểm”. Quá trình điều tra và tại cấp sơ thẩm, bị cáo đã

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc tố giác, phát hiện tội phạm. Ngoài ra, bị cáo Mai Văn S là người có công với cách mạng, được Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận thương binh loại A, thương tật hạng $\frac{1}{4}$ - 81%, là người khuyết tật đặc biệt nặng với tỷ lệ thương tật 81%; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t, x, p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng. Ngày 04/5/2023, bị cáo đã không ngại nguy hiểm cứu người đuối nước, đã cứu sống anh Thái Văn C đang tắm biển bị đuối nước được Ủy ban nhân dân xã Bảo N, thành phố Đồng Hới xác nhận. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng.

Kèm theo đơn kháng cáo bị cáo đã xuất trình thêm: Kỷ niệm chương chiến trường Campuchia; Sổ khám bệnh, tuy nhiên những tình tiết này cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng mức án 32 tháng tù của bị cáo đã tương xứng với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo nằm dưới khung của hình phạt theo khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự, không nặng. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Trịnh Văn T, Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là trái đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục; chỉ vì muốn hưởng lợi bất chính nên vẫn bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện. Quá trình điều tra và tại các phiên tòa bị cáo đều tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc tố giác, phát hiện tội phạm. Nên bị cáo Trịnh Văn T đã được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trịnh Văn T đã được xem xét: trong quá trình công tác, được Giám đốc sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình tặng giấy khen; được UBND xã Bảo N xác nhận có thành tích đột xuất trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc do đã giao nộp 01 kíp nổ và 03 ống thuốc nổ công nghiệp vào ngày 26/8/2024. Quá trình sinh sống đã tham gia ủng hộ phong trào chống dịch Covid 19 của địa phương, ủng hộ bà con nhân dân các xã Liên T, Lâm T, Kim T thuộc huyện Lệ T trong đợt lũ lụt năm 2020. Ngày 17/8/2023, có tinh thần cứu người bị nạn là anh Nguyễn Văn Q đang tắm biển có biểu hiện đuối nước được Ủy ban nhân dân xã Bảo N xác nhận. Bị cáo có bố mẹ được tặng Huân chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được cấp sơ thẩm xem xét. Bị cáo Trịnh Văn T là người quản lý khách sạn Hải Á 2 tuy nhiên lại thực hiện hành vi vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu trong dư luận nên Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới mong cải tạo giáo dục bị cáo Trịnh Văn T.

Kèm theo đơn kháng cáo bị cáo Trịnh Văn T đã xuất trình thêm: Quyết định

số 013/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 về việc khen thưởng cho cá nhân đạt thành tích đột xuất trong công tác tự giao nộp vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ của UBND xã Lâm T. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự chưa được xem xét ở cấp sơ thẩm. Nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo sửa bản án hình sự sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[4] Do kháng cáo của bị cáo Mai Văn S không được chấp nhận nên bị cáo Mai Văn S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bị cáo S là người cao tuổi, có công với cách mạng, người khuyết tật nặng và có đơn xin miễn án phí nên bị cáo S thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn S và giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2024/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Áp dụng các điểm c, h khoản 2 Điều 327; các điểm s, t, x, p khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 56, khoản 5 Điều 65, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Mai Văn S 32 (Ba mươi hai) tháng tù về tội “Chứa mại dâm”. Tổng hợp với hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 28-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Buộc bị cáo Mai Văn S phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 62 (sáu mươi hai) tháng tù, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam trong vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2020/TLST-HS ngày 09/9/2020 là 28 (hai mươi tám) ngày (từ ngày 05/5/2020 đến ngày 01/6/2020). Thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành án là 61 tháng 02 ngày tù (Sáu mươi một tháng, hai ngày tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị

tạm giữ, tạm giam (ngày 26/5/2024);

Quyết định tạm giam bị cáo Mai Văn S 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để đảm bảo thi hành án, theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Miễn án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Mai Văn S.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2024/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình về phần hình phạt.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Chứa mại dâm”, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/6/2024 đến ngày 13/8/2024 là 62 ngày; thời gian còn lại buộc bị cáo phải chấp hành án là 15 tháng 28 ngày tù (mười lăm tháng, hai mươi tám ngày tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/4/2025).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THA thành phố Đồng Hới;
- Phòng HSNVCS-CA Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; NBC
- Lưu: HS vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA